

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Tú,
huyện Cẩm Thủy đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Cẩm Thủy; Công văn số 1107/SXD-QH, ngày 23/2/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc ý kiến về 02 hồ sơ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã: Cẩm Thạch, Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030.

Căn cứ quyết định số: 1662/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 87/TĐ-KTHT ngày 05/4/2022 (kèm theo Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 22/3/2022 của UBND xã Cẩm Tú).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030 với nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Vị trí, phạm vi, ranh giới

- Xã Cẩm Tú nằm ở phía Bắc của huyện Cẩm Thủy, cách trung tâm huyện 5,5km.

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Cẩm Tú, ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Bắc: Giáp xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy và xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành;

+ Phía Nam: Giáp thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy;

+ Phía Đông: Giáp xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành;

+ Phía Tây: Giáp xã Cẩm Giang, xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy.

1.2. Quy mô diện tích lập quy hoạch:

Quy mô diện tích lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Cẩm Tú có tổng diện tích là 1.882,26 ha

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu quy hoạch

Cụ thể hóa các mục tiêu yêu cầu tại nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Cẩm Thủy phê duyệt tại Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 23/7/2021.

2.2. Tính chất, chức năng của xã

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng là một đơn vị hành chính cấp xã hoàn chỉnh với đầy đủ các hoạt động chức năng nhà nước quy định hướng tới đạt và vượt các tiêu chí của xã nông thôn mới nâng cao đáp ứng tiêu chí của đô thị loại V;

Kinh tế chủ đạo của địa phương: Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá xác định tại xã Cẩm Tú phát triển về Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Dịch vụ - Du lịch.

3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

3.1.1. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng là 6.375 người;

- Dân số dự báo:
- + Đến năm 2025 là 6.820 người;
- + Đến năm 2030 là 7.300 người.

3.1.2. Quy mô lao động

Dự báo lao động đến năm 2025 là 4.092 người; đến năm 2030 là 4.380 người.

3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.2.1. Về sử dụng đất

- Điểm dân cư nông thôn:
- + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;
- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
- + Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$;
- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$;
(*Có vườn cây thuốc Nam*): $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$).
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 200\text{m}^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 1.200\text{m}^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 300\text{m}^2$;
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$.
- Đất xây dựng chợ: $\geq 1.500\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường $\geq 0,8$ kg;
- Chỉ tiêu cấp nước: ≥ 80 lít/người/ngày;
- Chỉ tiêu thoát nước bản ≥ 80 % lượng nước cấp;
- Chỉ tiêu cấp điện $\geq 200\text{W}/\text{người}/\text{ngày}$ đêm;

3.2.3. Các nội dung khác

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT - BXD ngày 19/5/2021 về Ban

hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn - tiêu chuẩn thiết kế.

4. Phân khu chức năng.

4.1. Khu trung tâm xã: Trên cơ sở các công trình công cộng hiện có xây dựng khu trung tâm xã khang trang có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng phục vụ nhân dân. Hiện nay các công trình công cộng điển hình mang tính chất trung tâm xã nằm rải rác dọc theo tuyến đường tỉnh lộ 532B và 523E, bao gồm: Công sở, hệ thống trường học, trạm y tế, chợ....

4.2. Hệ thống thôn và các khu dân cư tập trung: Giữ nguyên theo hiện trạng dân cư 8 thôn hiện có; Chinh trang hạ tầng kỹ thuật cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Ban hành quy định quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan nhà ở dân cư và cảnh quan thôn, xóm.

4.3. Khu sản xuất, dịch vụ.

4.3.1 Khu sản xuất nông nghiệp.

a. Ngành trồng trọt.

- Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (*cánh đồng mẫu lớn*). Diện tích đất trồng lúa đến năm 2030 là 268,58 ha.

- Khu vực trồng trọt các loại cây khác bao gồm: Ngô, sắn, khoai lang, lạc, vừng, mía và các loại cây rau màu có hiệu quả cao được thực hiện trên các ruộng cạn. Diện tích đất trồng trọt khác đến năm 2030 là 270,04 ha.

b. Ngành chăn nuôi: Duy trì và phát triển đàn trâu, bò, đàn lợn, dê, đàn gia cầm, ong mật...

c. Ngành thủy sản: Tăng diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã đến năm 2030 lên 20,46ha.

4.3.2. Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề.

Trong kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2030, sẽ khai thác một số vị trí thuận lợi trên địa bàn xã từ đất trồng lúa năng suất thấp tại thôn Thuận Lương, thôn Cẩm Hoa tổ chức thành điểm sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề với tổng diện tích quy hoạch mới 30,43ha (nâng tổng diện tích đất CN, TTCN, làng nghề lên 44,75ha). Nên chú trọng phát triển các ngành sản xuất như: may mặc, sợi, chế biến lâm sản ...

4.3.3. Khu vực thương mại - dịch vụ

Quy hoạch đất dịch vụ thương mại tại các thôn Lương Thành, Cẩm Hoa, Bắc Sơn với quy mô diện tích tăng thêm 9,41ha, nâng tổng đất dịch vụ thương mại đến

năm 2030 lên 9,78ha. Xây dựng các cửa hàng thân thiện thu hút khách tạo thành điểm dừng nghỉ chân tin cậy cho các loại phương tiện giao thông trên tuyến đường Hồ Chí Minh và đường huyện DH-07.

4.3.4. Khu vực khai thác khoáng sản: Trong giai đoạn đến năm 2030 quy hoạch mới đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng (quy hoạch mỏ đất) thuộc thôn Thuận Lương với diện tích 14,0 ha.

4.4. Khu vực có khả năng phát triển.

Quỹ đất xây dựng của xã lớn phân bố ở tất cả các thôn, tùy theo nhu cầu cụ thể sẽ quy hoạch các khu vực xây dựng cho phù hợp.

4.5. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối.

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp (*để ổn định sản xuất*) và các khu vực vùng xung quanh các hồ, sườn đồi (*khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn*).

- Vùng cấm xây dựng: Cấm xây dựng tại khu vực bảo vệ các công trình đầu mối như: Đập thủy lợi, cống thoát nước...v.v; Khu vực thuộc hành lang an toàn giao thông; Khu vực bảo vệ công trình di tích.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.

5.1. Phân vùng phát triển kinh tế.

Xét về mặt tổng quan, không gian kinh tế xã Cẩm Tú được phân thành 2 khu vực phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Dọc hai bên đường Hồ Chí Minh, đường tỉnh 523B, đường huyện DH07): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông nghiệp.

5.2. Khu công sở xã: Giữ nguyên công trình hiện trạng tại thôn Bắc Sơn, diện tích khuôn viên 2.986 m². Mật độ xây dựng ≤ 40%. Tầng cao 1-3 tầng.

5.3. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã, thôn.

a. Trung tâm văn hóa xã: Trung tâm văn hóa xã nằm trong khuôn viên công sở xã, đã đáp ứng được tiêu chuẩn và nhu cầu sử dụng.

b. Sân thể thao xã: Quy hoạch mới tại thôn Cẩm Hoa, diện tích 17.564 m².

5.4. Nhà văn hóa – sân thể thao thôn.

a. Nhà văn hóa thôn.

- Giữ nguyên vị trí nhà văn hóa tại các thôn Liên Sơn (1,2), thôn Cẩm Hoa, thôn Thuận Lương, thôn Bình Xuyên, thôn Thái Bình (2), thôn Thái Học, thôn Bắc Sơn (diện tích đã đạt yêu cầu quy định trong thiết chế văn hóa).

- Quy hoạch mới thêm nhà văn hóa thôn Bắc Sơn (1), diện tích 2.809 m² và nhà văn hóa thôn Lương Thành, diện tích 1.464 m².

- Mật độ xây dựng của các nhà văn hóa $\leq 40\%$; Tầng cao 1 tầng.

b. Sân thể thao thôn: Giữ nguyên theo hiện trạng sân thể thao các thôn Bắc Sơn, thôn Thái Bình; Quy hoạch mở rộng sân thể thao thôn Thuận Lương diện tích 1.977 m²; Quy hoạch mới sân thể thao các thôn Thái Bình diện tích 2.892 m², thôn Bình Xuyên diện tích 1.624 m², thôn Lương Thành diện tích 3.735 m²

5.5. Công trình y tế: Quy hoạch mới trạm y tế tại thôn Lương Thành, diện tích 1.758 m². Mật độ xây dựng $\leq 40\%$. Tầng cao 1-3 tầng.

5.6. Chợ: Quy hoạch mới chợ Cẩm Tú tại thôn Cẩm Hoa, diện tích 8.080 m².

5.7. Công trình giáo dục.

a. Trường mầm non:

- Giữ nguyên vị trí hiện trạng trường mầm non Cẩm Tú (khu 1) tại thôn Lương Thành, diện tích 4.830 m²; Quy hoạch mở rộng trường mầm non Cẩm Tú (khu 2) tại thôn Bắc Sơn, diện tích 2.236 m² Mật độ xây dựng công trình $\leq 40\%$. Tầng cao 1- 3 tầng.

b. Trường tiểu học .

- Giữ nguyên vị trí hiện trạng trường tiểu học Cẩm Tú tại thôn Bắc Sơn, diện tích 10.226 m². Mật độ xây dựng $\leq 40\%$. Tầng cao 1 – 3 tầng.

c. Trường trung học cơ sở: Quy hoạch mở rộng trường THCS Cẩm Tú tại thôn Cẩm Hoa, diện tích lên 10.659 m². Mật độ xây dựng $\leq 40\%$. Tầng cao 1 – 3 tầng.

5.8. Trụ sở công an xã: Quy hoạch mới tại thôn Bắc Sơn, diện tích 2.540m². Mật độ xây dựng $\leq 40\%$. Tầng cao 1 – 3 tầng.

5.9. Tượng đài liệt sỹ: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn Bắc Sơn, diện tích 987m².

5.10. Công trình di tích, tôn giáo tín ngưỡng:

- Đền Ngốc: giữ nguyên theo hiện trạng tại thôn Liên Sơn, diện tích 502 m²

- Đền Cù: Quy hoạch mở rộng, vị trí tại thôn Liên Sơn, diện tích 16.483 m²

- Chùa Mỏ: Quy hoạch mở rộng, vị trí thôn Cẩm Hoa, diện tích 40.979 m²

5.10. Định hướng tổ chức khu dân cư mới và cải tạo.

Trên địa bàn xã hiện nay có 8 thôn, khu vực dân cư tập trung tại các thôn giữ nguyên theo hiện trạng; Ban hành quy định quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan chung.

- Bố trí quỹ đất xây dựng khu dân cư mới đến năm 2025 với tổng diện tích

7,01ha; Giai đoạn 2026 - 2030 diện tích tăng thêm khoảng 9,47ha; Mật độ xây dựng $\leq 80\%$. Không khống chế tầng cao và hệ số sử dụng đất.

Tổng đất khu dân cư đến 2025 là: 198,26 ha; Tổng đất khu dân cư đến 2030 là: 207,73 ha.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối.

6.1. Công trình hạ tầng sản xuất.

a. Hệ thống giao thông nội đồng: Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, tiếp tục đầu tư cứng hóa các trục đường chính nội đồng.

b. Hệ thống kênh mương, hồ đập, cầu cống: Cải tạo nâng cấp hồ đập, kênh mương hiện có, xây mới kênh tưới, tiêu phục vụ sản xuất hiện đang là kênh đất nhằm chống ngập úng trong những trận mưa bão lớn, đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Xây mới, nâng cấp hệ thống cầu để đảm bảo an toàn khơi thông dòng chảy.

6.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật.

6.2.1. Hệ thống giao thông.

Hệ thống giao thông xã được chia thành 02 hệ thống gồm: giao thông đối ngoại và giao thông đối nội, cụ thể :

a). Hệ thống giao thông đối ngoại.

- Đường Hồ Chí Minh đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 3,334km; Lộ giới 75,0m; Nền đường 35m; Ký hiệu Đ.HCM

- Đường tỉnh 523B đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 3,192km; Lộ giới 42,0m; Nền đường 12,0m; Ký hiệu ĐT 523B.

- Đường tỉnh 523E đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 1,809km; Lộ giới 42,0m; Nền đường 12,0 m; Ký hiệu ĐT 523E.

- Đường huyện DH-01: Chiều dài 0,82 km; Lộ giới 27,0m; Nền đường 7,0m; Ký hiệu DH-01.

- Đường huyện DH-07: Chiều dài 3,521km; Lộ giới 27,0m; Nền đường 7,0m; Ký hiệu DH-07.

b). Hệ thống giao thông đối nội.

- Đường xã: Nâng cấp mở rộng 6 tuyến đường hiện trạng và Quy hoạch thêm 5 tuyến đường trục xã mới để kết nối liên thông giữa các thôn trong xã thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh. Tổng chiều dài 9,706 km. Nền đường: 17,5m (riêng tuyến số 10, nền đường là 29,0 m); Mặt đường: 7,5m (riêng tuyến số 10, mặt đường là 16,0 m).

- Đường thôn: Nâng cấp, mở rộng 12 tuyến đường hiện trạng, tổng chiều dài

8,935km; Nền đường 11,5m; Mặt đường 5,5m.

- Đường nội đồng: Nâng cấp, mở rộng 12 tuyến đường hiện trạng, tổng chiều dài 13,936km. Tuỳ theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp.

6.2.2. Quy hoạch cao độ nền.

- Tôn trọng địa hình tự nhiên; Cao độ các khu dân cư hiện trạng giữ nguyên; Các khu xây dựng mới, cos nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng, khi thiết kế nâng cos nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng.

- Định hướng tiêu thoát nước: Điều kiện địa hình tự nhiên của xã Cẩm Tú nhìn tổng thể dốc dần theo hướng từ Bắc xuống Nam, nên Quy hoạch hướng thoát nước chính là Bắc – Nam. Nước chảy theo các suối và kênh mương thoát nước dọc các tuyến đường chính chảy ra sông Mã.

6.2.3. Hệ thống cấp nước.

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Nguồn nước được lấy từ nhà máy cấp nước sạch đặt tại thôn Liên Sơn, xã Cẩm Tú cấp đến các hộ dân trong xã. Mạng lưới đường ống cấp nước nội bộ được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống chính D300, tiết diện đường ống phụ D200; Giai đoạn trước mắt, nguồn nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước giếng khoan từ các mạch nước ngầm, nước mưa, nước mố.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hoả đấu nối với đường ống cấp nước có đường kính >D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hoả khoảng 150m.

6.2.4. Hệ thống điện.

- Giữ nguyên vị trí các trạm biến áp, và các tuyến đường dây tải điện hiện có, gồm 21 trạm biến áp và đường dây trung thế. Để đảm bảo cho nhu cầu cung cấp điện trong giai đoạn đến năm 2030, nâng cấp công suất các trạm biến áp và xây dựng mới 3 trạm. Tổng công suất của các trạm biến áp quy hoạch đến năm 2030 là 12.570KVA.

6.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a) Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt và sản xuất của xã Cẩm Tú được thu gom về trạm xử lý nước thải đặt tại thôn Cẩm Hoa. Nước thải sau khi xử lý sẽ đổ ra suối Khe Lim, đổ ra sông Mã.

- Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các

điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

b) Hệ thống rác thải.

- Cần sử dụng các hình thức tổ hợp vườn, ao chuồng, thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân huỷ, hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

- Rác thải trong sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong xã được thu gom về bãi tập kết rác thải quy hoạch mới tại thôn Bắc Sơn diện tích 0,64ha, sau đó được vận chuyển về khu xử lý rác thải chung của huyện Cẩm Thủy để xử lý.

c. Quy hoạch nghĩa trang.

Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

Về dài hạn đến năm 2030 sẽ quy hoạch mở rộng nghĩa trang thôn Lương Thành 2,84 ha và nghĩa trang thôn Cẩm Hoa 0,49ha để đảm bảo nhu cầu an táng của nhân dân trong xã.

7. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

7.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các hạng mục khác.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng.

- Xây dựng, cải tạo kiên cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt theo hướng đồng bộ - hiện đại.

- Xây dựng mới trạm biến áp, nâng cấp các trạm biến áp hiện có.

- Xây dựng mới nhà công an, nhà trực dân quân cơ động, trạm y tế, chợ.

- Cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có

7.2. Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

(Chi tiết có đồ án quy hoạch chung xây dựng kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Cẩm Tú có trách nhiệm:

- Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoàn chỉnh hồ sơ, đóng dấu, lưu trữ theo quy định và tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy đến năm 2030; trong thời gian 30 ngày kể từ ngày

quy hoạch được duyệt, đề các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND- UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Cẩm Tú và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Lưu VT, KTHT.

CHỦ TỊCH



Phạm Viết Hoài